

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **288/2019/HSPT**

Ngày: 27/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Nguyễn Thị Lê Trang

- Thư ký Tòa án: Bà Võ Thị Hà Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 176/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hoài S; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoài S, sinh ngày 09/9/1996 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở: Ấp 4, xã L, huyện Đ, Đồng Nai. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn N, sinh năm 1972 và bà Phan Thị S1, sinh năm 1974. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được khởi tố tại ngoại, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/5/2018. (Có mặt)

2. *Người bị hại:* Ông Trần Minh C, sinh năm: 1955.(Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm: 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, ấp 1, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Bà Trần Thị M, sinh năm: 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông Nguyễn N, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà Phan Thị S1, sinh năm: 1974. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

4.2. Anh Võ Tấn T, sinh năm: 1996.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

5. *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu:* Ông Hà Mạnh T1 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hà Mạnh T1 - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 11/3/2018, Nguyễn Hoài S đi chơi về nhà, không thấy bà Phan Thị S1, sinh năm 1974 (là mẹ ruột của S) ở nhà, nên S gọi điện hỏi bà S1 thì bà S1 nói với S là “Mẹ đi với bạn tối nay không về”. Qua tìm hiểu, S biết được bà S1 đang đi chơi với ông Trần Minh C. Sau đó S điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B4-572.27 của S qua nhà ông C tìm bà S1. Trên đường đi, S gặp anh Võ Tấn T nên S rủ anh T đi cùng (S không rủ anh T đi đánh ông C).

Khi đến, thấy nhà ông C tắt điện, phía trước cửa đóng, S nói anh T đứng ngoài đường, rồi S đi bộ vào trong sân nhà ông C. S lấy điện thoại di động của S gọi cho bà S1, S nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo trong nhà ông C, S giật mạnh cửa đi vào, thấy ông C nằm phía trong, bà S1 nằm phía ngoài (cả hai đều không mặc quần áo). Thấy vậy, S nhảy lên giường thì bà S1 đứng dậy, S dùng tay trái kéo ông C dậy và dùng tay phải dấm vào mặt, vào đầu ông C 05-06 cái và dùng chân đá vào người ông C 02- 03 cái. Khi ông C nằm xuống, S tiếp tục dùng chân đá vào đầu ông C gây thương tích. Thấy vậy, bà S1 và anh T vào ngăn cản kéo S ra ngoài. Ông C ngồi dậy đi ra đứng ở cửa phòng ngủ nói với bà S1 đưa S đi về. Đến

khoảng 06 giờ sáng ngày 12/3/2018, bà Trần Thị M (là em gái ông C) phát hiện ông C đang nằm bất tỉnh ở nền nhà nên đưa ông C đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa TN. Đến ngày 19/4/2018 ông Trần Minh C viết đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Hoài S về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Hậu quả: Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0296/GDPY/2018 ngày 09/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của ông Trần Minh C như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

-Tổn thương tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái đã phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ (Áp dụng Chương 2, điều III, mục 6). Tỷ lệ 21%

-Tổn thương khuyết sọ bán cầu trái kích thước 09x12cm đáy mềm (Áp dụng Chương 2, điều I, mục 5.4). Tỷ lệ 45%

-Chấn thương sọ não hiện để lại di chứng yếu tay phải mức độ nhẹ (Áp dụng Chương 2, điều V, mục 2.13). Tỷ lệ 21%

*Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 66%.

Kết luận khác: Vật gây thương tích là vật tày.

Tại Cáo trạng số 89/CT-VKSDQ ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoài S với tội danh “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã căn cứ vào Điểm a, Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài S 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho ông Trần Minh C số tiền 34.123.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim A số tiền 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho bà Trần Thị M số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/5/2019, bị cáo Nguyễn Hoài S có đơn kháng cáo xin thay đổi tội danh và kháng cáo phân trách nhiệm dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Căn cứ các tài liệu hồ sơ thu thập trong vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã dùng tay, chân đâm đá vào đầu, mặt ông C và dùng chân đá vào người ông C gây ra thương tích 66% tạm thời phù hợp với lời khai nhân chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, Khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bản án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh trên là đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo về tội danh cho rằng không phạm tội “Cố ý gây thương tích” mà bức xúc về hành vi trái pháp luật của ông C khi thấy ông C có quan hệ bất chính với mẹ mình. Vì vậy đã bị kích động tinh thần mới gây ra hậu quả nêu trên và đề nghị xem xét lại về tội danh là “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Xét kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà Phan Thị S1 là mẹ bị cáo hoàn toàn không bị xúc phạm hay đe dọa gì khác; bản thân bị cáo cũng không bị ông C xúc phạm hay đe dọa gì. Việc ông C có quan hệ bất chính với bà S1 là vi phạm đạo đức và chế độ hôn nhân gia đình, mặc khác việc quan hệ này do hai bên tự nguyện và cùng có lỗi, bà S1 không bị đe dọa hoặc ảnh hưởng gì về sức khỏe cũng như tinh thần do hành vi trái pháp luật của ông C gây ra, hành vi trên không bị coi là trái pháp luật nghiêm trọng đối với bà S1. Cấp sơ thẩm có xem xét tình tiết bức xúc của bị cáo và hậu quả gây ra và tuyên phạt mức án 05 (năm) năm tù là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo không đồng ý bồi thường cho những người có quyền lợi liên quan là bà Trần Thị M và Trần Thị Kim A về tiền công chăm sóc cho ông C trong thời gian nằm viện và điều trị nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì tại phiên tòa nên không có cơ sở xem xét và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến bào chữa của luật sư Hà Mạnh T1: Không thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bản thân bị cáo hoàn toàn không có ý thức cố ý gây thương tích cho ông C, chỉ khi phát hiện có sự việc quan hệ bất chính giữa ông C thì bị cáo mới tức giận và bức xúc, không kiềm chế được đã đánh ông C gây thương tích. Hành vi của ông C là trái pháp luật chứ không phải vi phạm đạo đức như bản án sơ thẩm và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đánh giá; tại phiên tòa sơ thẩm bà S1 có trình bày tình tiết bị ông C bỏ thuốc mê mới dẫn tới sự việc nêu trên nhưng không được làm rõ; Bản thân bị cáo thực sự bị kích động về tinh thần do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng Khoản 2 Điều 135 để xử phạt bị cáo về tội danh trên và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại và giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài S đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[2] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, chỉ nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã tích cực tác động gia đình để gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại với số tiền 35.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, hiện bị cáo đang phải điều trị bệnh thoát vị đĩa đệm. Đồng thời cũng xem xét trong vụ án này người bị hại ông Trần Minh C có một phần lỗi vi phạm đạo đức xã hội mà xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là thỏa đáng, đúng người, đúng tội và phù hợp.

Bị cáo kháng cáo xin thay đổi tội danh do cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là không khách quan. Bị cáo phạm tội là do bị kích động tinh thần do hành vi trái pháp luật của ông C vì đã quan hệ bất chính với mẹ bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy trong vụ án này bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng lựa chọn những cách xử sự phù hợp, việc ông C có quan hệ bất chính với bà S1 là vi phạm đạo đức xã hội và chế độ hôn nhân gia đình nhưng ở đây là do lỗi của cả hai đều vi phạm; bà S1 không bị đe dọa nghiêm trọng về sức khỏe hay xúc phạm gì và bị cáo cũng không bị đe dọa hay xúc phạm gì để dẫn đến bị cáo phải kích động mạnh về tinh thần mà do bản chất côn đồ bị cáo mới thực hiện hành vi trên. Cấp sơ thẩm có xem xét tình tiết sự bức xúc của bị cáo để giảm nhẹ là phù hợp. Như vậy, không có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và luật sư cho rằng cần xem xét lại bệnh án và

thương tích của ông Trần Minh C là không khách quan vì Trần Minh C trước đây cũng bị thương, có thể thương tích do vết thương cũ tái phát. Cấp sơ thẩm đã xem xét và nhận định trong bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và luật sư không thắc mắc gì vấn đề này nên không xem xét.

Đối với phần trách nhiệm bồi thường dân sự, xét thấy trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét, căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành và buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại bao gồm: chi phí khám chữa bệnh, tiền thu nhập bị mất, tiền công chăm sóc cho người bị hại.... Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là những khoản chi phí hợp lý, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bị cáo không đồng ý bồi thường tiền công chăm sóc cho bị hại đối với bà Trần Thị Kim A và bà Trần Thị M nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai nhận định và tranh luận tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Quan điểm bào chữa của luật sư đối với bị cáo Nguyễn Hoài S là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hoài S**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hoài S** 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 357, 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho ông Trần Minh C số tiền

34.123.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim A số tiền 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải bồi thường cho bà Trần Thị M số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hoài S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán (2);
- VKSND huyện Định Quán;
- Công an huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Trại tạm giam (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Lượng